

Số: 14 /2026/BC-SHS

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 12/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 12/2025:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	ADG	VPL	AAA
2	ABT	BBC		ABT
3	ACB	HTL		ACB
4	ACC	KMR		ACC
5	ACG	NSC		ACG
6	ACL	PJT		ACL
7	ADG	SC5		ADP
8	ADP	SFC		ADS
9	ADS	SFI		AGG
10	AGG	STG		AGR
11	AGR	SVT		ANV
12	ANV	TDG		APG
13	APG	TYA		ASM
14	ASM	UIC		AST
15	AST			BAF
16	BAF			BCM
17	BBC			BFC
18	BCM			BHN
19	BFC			BIC
20	BHN			BID
21	BIC			BKG
22	BID			BMC
23	BKG			BMI
24	BMC			BMP
25	BMI			BRC
26	BMP			BSI
27	BRC			BSR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	BSI			BTP
29	BSR			BVH
30	BTP			BWE
31	BVH			CCL
32	BWE			CDC
33	CCL			CHP
34	CDC			CII
35	CHP			CKG
36	CII			CLC
37	CKG			CLL
38	CLC			CMG
39	CLL			CNG
40	CMG			CRC
41	CNG			CSM
42	CRC			CSV
43	CSM			CTD
44	CSV			CTF
45	CTD			CTG
46	CTF			CTI
47	CTG			CTR
48	CTI			CTS
49	CTR			CVT
50	CTS			D2D
51	CVT			DBC
52	D2D			DBD
53	DBC			DBT
54	DBD			DC4
55	DBT			DCL
56	DC4			DCM
57	DCL			DGC
58	DCM			DGW
59	DGC			DHA
60	DGW			DHC
61	DHA			DHG
62	DHC			DIG
63	DHG			DMC
64	DIG			DPG
65	DMC			DPM
66	DPG			DPR
67	DPM			DRC
68	DPR			DRL
69	DRC			DSE
70	DRL			DSN
71	DSE			DVP
72	DSN			DXG
73	DVP			DXS
74	DXG			EIB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
75	DXS			ELC
76	EIB			EVF
77	ELC			EVG
78	EVF			FCN
79	EVG			FIR
80	FCN			FIT
81	FIR			FMC
82	FIT			FPT
83	FMC			FRT
84	FPT			FTS
85	FRT			GAS
86	FTS			GDT
87	GAS			GEE
88	GDT			GEG
89	GEE			GEX
90	GEG			GMD
91	GEX			GSP
92	GMD			GVR
93	GSP			HAG
94	GVR			HAH
95	HAG			HAR
96	HAH			HAX
97	HAR			HCD
98	HAX			HCM
99	HCD			HDB
100	HCM			HDC
101	HDB			HDG
102	HDC			HHP
103	HDG			HHS
104	HHP			HHV
105	HHS			HII
106	HHV			HMC
107	HII			HPG
108	HMC			HPX
109	HPG			HQC
110	HPX			HSG
111	HQC			HSL
112	HSG			HT1
113	HSL			HTG
114	HT1			HTI
115	HTG			HTN
116	HTI			HUB
117	HTL			HVH
118	HTN			ICT
119	HUB			IDI
120	HVH			IJC
121	ICT			ILB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
122	IDI			IMP
123	IJC			ITC
124	ILB			KBC
125	IMP			KDC
126	ITC			KDH
127	KBC			KHG
128	KDC			KHP
129	KDH			KOS
130	KHG			KSB
131	KHP			LBM
132	KMR			LCG
133	KOS			LHG
134	KSB			LIX
135	LBM			LPB
136	LCG			LSS
137	LHG			MBB
138	LIX			MCM
139	LPB			MIG
140	LSS			MSB
141	MBB			MSH
142	MCM			MSN
143	MIG			MWG
144	MSB			NAB
145	MSH			NAF
146	MSN			NBB
147	MWG			NCT
148	NAB			NHA
149	NAF			NHH
150	NBB			NKG
151	NCT			NLG
152	NHA			NNC
153	NHH			NT2
154	NKG			NTL
155	NLG			OCB
156	NNC			OPC
157	NSC			ORS
158	NT2			PAC
159	NTL			PAN
160	OCB			PC1
161	OPC			PDN
162	ORS			PDR
163	PAC			PET
164	PAN			PGC
165	PC1			PGD
166	PDN			PGI
167	PDR			PHC
168	PET			PHR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
169	PGC			PLP
170	PGD			PLX
171	PGI			PNJ
172	PHC			POW
173	PHR			PPC
174	PJT			PTB
175	PLP			PVD
176	PLX			PVP
177	PNJ			PVT
178	POW			QCG
179	PPC			RAL
180	PTB			REE
181	PVD			SAB
182	PVP			SAM
183	PVT			SBA
184	QCG			SBT
185	RAL			SCR
186	REE			SCS
187	SAB			SGN
188	SAM			SGR
189	SBA			SHB
190	SBT			SHI
191	SC5			SHP
192	SCR			SIP
193	SCS			SJD
194	SFC			SJS
195	SFI			SKG
196	SGN			SMB
197	SGR			SRC
198	SHB			SSB
199	SHI			SSC
200	SHP			SSI
201	SIP			ST8
202	SJD			STB
203	SJS			STK
204	SKG			SVI
205	SMB			SZC
206	SRC			SZL
207	SSB			TBC
208	SSC			TCB
209	SSI			TCH
210	ST8			TCI
211	STB			TCL
212	STG			TCM
213	STK			TCO
214	SVI			TCT
215	SVT			TDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
216	SZC			TDM
217	SZL			TDP
218	TBC			TEG
219	TCB			THG
220	TCH			TIP
221	TCI			TLD
222	TCL			TLG
223	TCM			TMP
224	TCO			TMS
225	TCT			TNC
226	TDC			TNT
227	TDG			TPB
228	TDM			TRA
229	TDP			TRC
230	TEG			TTA
231	THG			TV2
232	TIP			TVB
233	TLD			TVS
234	TLG			VCB
235	TMP			VCG
236	TMS			VCI
237	TNC			VDP
238	TNT			VDS
239	TPB			VFG
240	TRA			VGC
241	TRC			VHC
242	TTA			VHM
243	TV2			VIB
244	TVB			VIC
245	TVS			VIP
246	TYA			VIX
247	UIC			VJC
248	VCB			VND
249	VCG			VNL
250	VCI			VNM
251	VDP			VPB
252	VDS			VPI
253	VFG			VPL
254	VGC			VRC
255	VHC			VRE
256	VHM			VSC
257	VIB			VSI
258	VIC			VTP
259	VIP			YEG
260	VIX			
261	VJC			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
262	VND			
263	VNL			
264	VNM			
265	VPB			
266	VPI			
267	VRC			
268	VRE			
269	VSC			
270	VSI			
271	VTP			
272	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 12/2025:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB	DHP	DNP	BAB
2	BAX	HGM	TPP	BAX
3	BCF	PMS		BCF
4	BVS	PPS		BVS
5	CAP	PRE		CAP
6	CDN	S55		CDN
7	CEO	SD9		CEO
8	CLH	SED		CLH
9	CSC	SJE		CSC
10	CTB	VIF		CTB
11	DHP	VNC		DHT
12	DHT			DNP
13	DP3			DP3
14	DTD			DTD
15	DVM			DVM
16	DXP			DXP
17	EID			EID
18	EVS			EVS
19	GIC			GIC
20	GMX			GMX
21	HAT			HAT
22	HCC			HCC
23	HGM			HJS
24	HJS			HLC
25	HLC			HMR
26	HMR			HUT
27	HUT			HVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	HVT			IDC
29	IDC			IDV
30	IDV			INN
31	INN			IPA
32	IPA			L40
33	L40			LAS
34	LAS			LHC
35	LHC			LIG
36	LIG			MAC
37	MAC			MBG
38	MBG			MBS
39	MBS			MDC
40	MDC			MST
41	MST			MVB
42	MVB			NAG
43	NAG			NBC
44	NBC			NDN
45	NDN			NET
46	NET			NFC
47	NFC			NTH
48	NTH			NTP
49	NTP			PBP
50	PBP			PCE
51	PCE			PCH
52	PCH			PGS
53	PGS			PLC
54	PLC			PMC
55	PMC			PPT
56	PMS			PSD
57	PPS			PSI
58	PPT			PSW
59	PRE			PVB
60	PSD			PVC
61	PSI			PVG
62	PSW			PVI
63	PVB			PVS
64	PVC			S99
65	PVG			SGC
66	PVI			SLS
67	PVS			SZB
68	S55			TA9
69	S99			TDT
70	SD9			TMB
71	SED			TNG
72	SGC			TPP
73	SJE			TTT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
74	SLS			TV4
75	SZB			TVC
76	TA9			TVD
77	TDT			VBC
78	TMB			VC3
79	TNG			VC7
80	TTT			VCS
81	TV4			VFS
82	TVC			VGS
83	TVD			VHE
84	VBC			VNF
85	VC3			VNR
86	VC7			VTZ
87	VCS			WCS
88	VFS			
89	VGS			
90	VHE			
91	VIF			
92	VNC			
93	VNF			
94	VNR			
95	VTZ			
96	WCS			

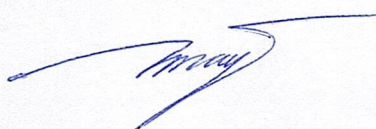
Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 12/2025 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-122025>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Trần Hồng Mây

Kiểm soát



Lê Thị Hoài Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chí Thành